

Bản án số: 64/2024/LĐ - PT

Ngày: 28 - 5 -2024

V/v “Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Trúc.

Bà Nguyễn Thị Thoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 24 và 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLPT-LĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 05/2023/LĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1719/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5414/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1992. Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Địa chỉ liên lạc: C C, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH M. Địa chỉ trụ sở: Lô đất DM 16-9 khu đất làng nghề, phường V, Quận H, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ kinh doanh: I H, Phường P, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn K.**

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông **Nguyễn Văn K** trình bày:*

Ngày 20/9/2016 ông **K** vào làm việc cho **Công ty TNHH M** (gọi tắt **Công ty M**), địa chỉ làm việc tại **B H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Hai bên ký hợp đồng thử việc 6 tháng kể từ ngày 01/10/2016, chỉ có một bản hợp đồng cho người lao động ký và lưu ở văn phòng Công ty. Ngày 01/3/2017, Công ty thông báo qua hộp thư điện tử thử việc thêm 3 tháng (không gửi hợp đồng thử việc). Ngày 30/6/2017, **Công ty M** gửi thư qua hộp thư điện tử của ông **Khánh T** mời nhận việc kể từ ngày 01/07/2017 nhưng không gửi hợp đồng lao động như hai bên đã thỏa thuận. Theo **T** nhận việc thì mức lương đề nghị là 8.500.000 đồng/tháng, cộng hưởng doanh số theo quy định Công ty. Đến ngày 03/08/2017, **Công ty M** gửi thư điện tử cho ông **K** thông báo chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 01/08/2017 mà chưa đàm phán với người lao động. Ông **K** đã liên hệ với Văn phòng Công ty ở Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội nhưng **Công ty M** không giải quyết.

Ông **K** yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy quyết định thôi việc và nhận ông **K** trở lại làm việc. Bồi thường do khoảng thời gian không đi làm tổng số tiền 150.000.000 đồng.
- Yêu cầu **Công ty M** thanh toán đầy đủ tiền lương tháng 6, 7, 8 năm 2017 và chi phí công tác theo đúng thỏa thuận. Tổng số tiền 50.000.000 đồng.
- Bồi thường tiền bảo hiểm, trợ cấp mất việc tổng số tiền 30.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH M: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết tại Tòa án nhân dân Quận 8 bị đơn không đến tòa nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 05/2023/LĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn K.**

1.1. **Công ty TNHH M** thanh toán cho ông **Nguyễn Văn K** số tiền 6.719.000 (Sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì phải

trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn K** đối với những yêu cầu sau:

2.1. Hủy quyết định buộc thôi việc và nhận ông **Nguyễn Văn K** trở lại làm việc, bồi thường do khoảng thời gian không đi làm tổng số tiền 150.000.000 đồng.

2.2. Bồi thường tiền bảo hiểm, trợ cấp mất việc tổng số tiền 30.000.000 đồng.

2.3. Tiền lương tháng 6/2017, tháng 8/2017 và chi phí công tác. Tổng số tiền 43.281.000 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

3.1. **Công ty TNHH M** phải chịu án phí lao động sơ thẩm là: 335.950 (Ba trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2 Ông **Nguyễn Văn K** không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/7/2023, nguyên đơn ông **Nguyễn Văn K** nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 24/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 5661/QĐKNPT-VKS-LĐ ngày 19/7/2023.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày:

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quyết định kháng nghị số 5661/QĐ9KNPT-VKS-LĐ ngày 19/7/2023: Kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2023/LĐ-ST ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm lý do:

Về tố tụng:

- Hội đồng xét xử sơ thẩm có Hội thẩm nhân dân là ông Đặng Văn Rỹ, ông Rỹ không có tên trong quyết định xét xử số 43/2023/QĐXXST-LĐ ngày 20/3/2023 nhưng lại tham gia phiên tòa theo quyết định hoãn phiên tòa ngày 20/4/2023, quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 18/5/2023 và Bản án sơ thẩm số 05.

- Theo đơn khởi kiện, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 30/12/2022 nguyên đơn có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần, nhưng sơ thẩm không xem xét giải quyết, Bản án không nhận định và không tuyên án là không giải quyết hết yêu cầu của đương sự theo Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

Ngày 20/9/2016, nguyên đơn ký hợp đồng thử việc 6 tháng kể từ ngày 01/10/2016, thời hạn thử việc 6 tháng, ngày 30/6/2017 bị đơn gửi thư điện tử cho nguyên đơn mời nhận việc kể từ ngày 01/7/2017 nhưng không ký hợp đồng lao động. Ngày 03/8/2017, bị đơn gửi thư điện tử thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn kể từ ngày 01/8/2017. Căn cứ Án lệ số 20/2018/AL thì ông K đã có thư mời làm việc ngày 26/6/2017 thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01/7/2017 là thỏa mãn điều kiện của Án lệ và Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2012 về hợp đồng lao động, nên có cơ sở xác định hai bên đã xác lập quan hệ lao động là hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 01/7/2017.

Ngày 03/8/2017 Công ty M gửi thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông K mà chưa thỏa thuận với ông là vi phạm Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012. Do đó Công ty M đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông K trái pháp luật nên phải chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012, Tòa sơ thẩm xác định hai bên không có quan hệ lao động nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến tại cấp phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn K**, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

Xét sự vắng mặt của bị đơn: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H1** trở lên mã số 0106119171 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/9/2019 thì **Công ty M** có địa chỉ trụ sở chính tại Lô đất DM 16-9, Khu làng nghề, **phường V, quận H, Thành phố Hà Nội** và chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật bà **Hoàng Thị Mai H** là **11B phố H, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội**, đến nay **Công ty M** chưa đăng ký giải thể. Tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho **Công ty M** tại các địa chỉ trên là đúng theo quy định tại Điều 178, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Tại biên bản phiên tòa ngày 20/4/2023 Chủ tọa phiên tòa có hỏi nguyên đơn có ý kiến gì về việc thay đổi Hội thẩm nhân dân là ông **Đoàn Văn R** hay không? Nguyên đơn trả lời không có ý kiến gì, Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định trường hợp không có Hội thẩm nhân dân dự khuyết để thay thế thành viên Hội đồng xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 226 thì vụ án được xét xử lại từ đầu, trong trường hợp này ông **R** tham gia từ đầu vụ án do đó việc ông **R** vẫn tiếp tục xét xử là không vi phạm về thủ tục tố tụng.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần của nguyên đơn, xét thấy tại đơn khởi kiện, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 30/12/2022 nguyên đơn yêu cầu: “Hủy quyết định thôi việc và nhận trở lại làm việc. Bồi thường do khoảng thời gian tôi không đi làm và thiệt hại tinh thần tổng số tiền là 150.000.000 đồng”. Tại phiên tòa nguyên đơn xác định nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường 150.000.000 đồng trong đó bao gồm 102.000.000 đồng tiền lương 12 tháng và 48.000.000 đồng là tiền thiệt hại tinh thần, xét thấy mặc dù bản án sơ thẩm không nêu rõ cụ thể về yêu cầu thiệt hại tinh thần nhưng có nhận định và quyết định về số tiền 150.000.000 đồng, trong đó đã bao gồm tiền thiệt hại về tinh thần mà nguyên đơn yêu cầu, như vậy sơ thẩm cũng đã xem xét giải quyết, tuy nhiên đây cũng là thiếu sót của cấp sơ thẩm, cần rút kinh nghiệm.

Về quan hệ lao động: Ngày 20/9/2016 ông **K** và **Công ty M** có ký hợp đồng thử việc 6 tháng kể từ ngày 01/10/2016, thời hạn thử việc 6 tháng, ngày

30/6/2017 bị đơn gửi thư điện tử cho nguyên đơn mời nhận việc kể từ ngày 01/7/2017 nhưng không ký hợp đồng lao động. Công văn số 52/TTr ngày 31/01/2018 của Công ty M gửi cho ông K và Sở L, Công ty M xác nhận ông K có thời gian làm việc tại Công ty. Ngày 26/6/2017 Công ty M đã có thư mời làm việc gửi cho ông K với thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01/7/2017. Căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Bộ luật Lao động 2012: “Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động” có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ lao động nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, là loại Hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01/7/2017, ngày chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 30/6/2019, tiền lương mỗi tháng là 8.500.000 đồng, trong đó bao gồm 500.000 đồng tiền điện thoại bằng thẻ.

[2.2] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 03/8/2017 Công ty M gửi thông báo về nhân sự có nội dung: “1. Chấm dứt HĐLĐ với TDV ETC K tại TP H” mà không nói rõ lý do cho thôi việc đồng thời ông K xác định Công ty M chưa thỏa thuận với ông về việc cho thôi việc cũng như không thông báo cho nguyên đơn biết trước 30 ngày theo quy định Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012. Như vậy có cơ sở xác định “Thông báo về nhân sự” ngày 03/8/2017 của Công ty M về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông K là không có căn cứ, không đúng trình tự, thủ tục và nội dung được quy định tại các Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 3 Điều 13 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định do nguyên đơn và bị đơn không có quan hệ lao động nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, việc bị đơn ban hành thông báo chấm dứt hợp đồng lao động ngày 03/8/2017 đối với nguyên đơn không thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2012, nên không phải gánh chịu hậu quả về hành vi trái pháp luật theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 là không đúng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị hủy thông báo chấm dứt hợp đồng lao động ngày 03/8/2017.

[2.3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc 12 tháng số tiền 102.000.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần 48.000.000 đồng; Bảo hiểm xã hội và trợ cấp mất việc số tiền 30.000.000 đồng, tiền lương theo doanh số tháng 6, 7, 8 năm 2017 và chi phí công tác theo đúng thỏa thuận số tiền 50.000.000 đồng.

Như đã nhận định do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải bồi thường cho nguyên đơn các khoản như sau:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/7/2017 đến ngày chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 30/6/2018: 12 tháng x 8.000.000 đồng/tháng = 96.000.000 đồng;

- 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 02 tháng x 8.000.000 đồng = 16.000.000 đồng;

- Do bị đơn vi phạm quy định về thời hạn báo trước nên phải bồi thường cho nguyên đơn một khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước tương đương 30 ngày là 1 tháng lương số tiền 8.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 120.000.000 đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu lương doanh số tháng 6, 7, tại điểm 3.1 thư mời nhận việc điểm 3.1 có nêu lương doanh số và các khoản thưởng do người sử dụng lao động toàn quyền quyết định, nguyên đơn không cung cấp được căn cứ của Công ty M xác nhận lương doanh số tháng 6,7 của ông K nên không có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu thanh toán chi phí công tác tháng 6/2017 tại phiên tòa ông K nộp thông tin về việc đi công tác tại thành phố Cần Thơ, tuy nhiên hồ sơ không có chứng từ thể hiện các chi phí mà ông K đã thanh toán trong đợt đi công tác, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

Đối với tiền trợ cấp thôi việc do ông K chưa làm việc liên tục từ trên 12 tháng nên không được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012.

[2.5] Về tiền bảo hiểm xã hội, căn cứ Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012; Điểm a khoản 1 khoản 3 Điều 2d, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 cần phải buộc bị đơn đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho ông K từ tháng 7/2017 đến tháng 6/2018 trên mức lương là 8.000.000 đồng, đồng thời cả hai bên ông K và Công ty M có trách nhiệm đóng BHXH, BHYT, BHTN cho ông K theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh. Cần sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên.

[3]. Án phí lao động sơ thẩm:

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí về dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu về bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí lao động sơ

thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận số tiền: 120.000.000 đồng x 3% = 3.600.000 đồng.

[3.2]. Án phí lao động phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 38, Điều 41, Điều 42, Điều 47, Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2012; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về việc:

2.1. Hủy “Thông báo về nhân sự” ngày 03/8/2017 của Công ty TNHH M về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Văn K. Quan hệ lao động giữa ông Nguyễn Văn K và Công ty TNHH M chấm dứt kể từ ngày 01/7/2019.

2.2. Buộc Công ty TNHH M phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn K các khoản: Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/7/2017 đến ngày chấm dứt hợp đồng lao động (30 tháng 6 năm 2018) là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng; 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng; Một khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước tương ứng với 01 tháng lương là 8.000.000 (tám triệu) đồng. Tổng cộng số tiền Công ty TNHH M phải trả cho ông Nguyễn Văn K là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3. Buộc Công ty TNHH M và ông Nguyễn Văn K phải đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 7/2017 đến tháng 6/2018 cho ông Nguyễn Văn K theo quy định pháp luật về bảo hiểm, theo mức tiền lương là 8.000.000 (tám triệu) đồng/tháng.

Trường hợp Công ty TNHH M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Văn K thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận

của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn K** về việc: Bồi thường thiệt hại về tinh thần số tiền 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng; Tiền lương doanh số tháng 6/2017, tháng 7/2017 và chi phí công tác. Tổng số tiền 43.281.000 (bốn mươi ba triệu, hai trăm tám mươi một nghìn) đồng.

4. Về án phí lao động:

4.1. Án phí lao động sơ thẩm:

Bị đơn **Công ty TNHH M** phải chịu án phí số tiền là 3.600.000 (ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn K** được miễn nộp tiền án phí.

4.2. Án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn K** được miễn nộp tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Q. 8;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 8;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Kim Thúy